TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2023/HNGĐ-ST
Ngày 21 - 8 - 2023
V/v"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH– TỈNH T

-***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Thanh Nhàn;

2. Bà Nguyễn Xuân Thuỷ.

-***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đàm Nguyên Phượng, Thư ký - Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T.

-***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T tham gia phiên toà***: Ông Võ Minh Mẫn, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T xét xử công khai vụ án thụ lý số: 117/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1998 (có đơn đề nghị vắng mặt)

Nơi cư trú: tổ 1 ấp V, xã A, huyện C, tỉnh T.

Bị đơn: Anh Nguyễn An H, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Nơi cư trú: tổ 1 ấp V, xã A, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/3/2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Chị T và anh H tự nguyện chung sống và kết hôn ngày 22/02/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Phước Vinh, huyện C, tỉnh T. Sau khi kết hôn cuộc sống chung không hạnh phúc, do phát sinh quan điểm sống không giống nhau, nguyên nhân do anh H không lo làm ăn để chăm lo cuộc sống gia đình, không còn tin tưởng nhau nên giữa hai vợ chồng ngày càng mâu thuẫn, bất hòa trong gia đình, anh chị không còn mang lại hạnh phúc, niềm vui cho nhau. Nay chị không thể tiếp tục chung sống với anh H, chị yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung tên A Kiệt, sinh ngày 30/10/2016 và Đ, sinh ngày 03/10/2020. Chị yêu cầu nuôi dưỡng hai con chung vì các con còn nhỏ, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Vợ chồng chị không có nợ ai, nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn An H vắng mặt không có ý kiến trình bày:

Tòa án đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với anh Đông như Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập đương sự; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh H không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực

hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội qui phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị T đối với anh H; Về con chung: Giao hai con chung cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; Tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa giải quyết nên không đặt ra xem xét. Nợ chung: Chị T trình bày không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[**1**] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thu T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Nguyễn An H đã được triệu tập lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh H.

[**2**] Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị T và anh H tự nguyện tìm hiểu tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn vào ngày 22/02/2017 /tại Ủy ban nhân dân xã Phước Vinh, huyện C, tỉnh T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do hai bên không cùng chung quan điểm, hôn nhân không mang lại hạnh phúc, chị T xin ly hôn, trong quá trình giải quyết vụ án anh H không đến Tòa án để hòa giải cho thấy anh không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh H không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị T đối với anh H là phù hợp.

[**3**] Về con chung: Anh chị có hai con chung K, sinh ngày 30/10/2016 và Đ, sinh ngày 03/10/2020. Hiện nay con chung đang sống cùng chị T, chị T có nguyện

vông nuôi hai con chung, do đó cần tiếp tục giao con chung cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

[**4**] Về tài sản chung: Chị T trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[**5**] Về nợ chung: Chị trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[**6**] Đối với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C tỉnh T là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[**7**] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí theo qui định điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUY ẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu T. Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn An H được ly hôn.

2. Về con chung: Giao hai con chung K, sinh ngày 30/10/2016 và Đ, sinh ngày 03/10/2020 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn An H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí khởi kiện

đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0018336 ngày 28/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh T. Chị T đã nộp đủ án phí.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nôi nhaän:
-Phòng NV- TAND tỉnh T;
-VKSND h. C, tỉnh T;
-Chi cục THADS h. C, tỉnh T;
-Các đương sựï;
-Uỷ ban ND xã P, h C, t. T
-Lưu hồ sơ;
-Lưu tập án (Hg).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Hương

Thành viên
Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Hương